

# Van tiết lưu một chiều GRLA-M5-QS-3-RS-D

Số bộ phận: 197576

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                                                             | Giá trị                                                       |
|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Chức năng van                                                                        | Chức năng quay ngược van tiết lưu khí xả                      |
| Cổng nối khí nén 1                                                                   | QS-3                                                          |
| Cổng nối khí nén 2                                                                   | M5                                                            |
| Phần tử điều chỉnh                                                                   | Vít xoắn                                                      |
| Kiểu gắn                                                                             | vặn được                                                      |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường theo hướng bướm ga                                  | 100 l/ph                                                      |
| Dòng chảy danh định bình thường theo hướng đối lại                                   | 60 l/ph...100 l/ph                                            |
| Áp suất vận hành                                                                     | 0.2 bar...10 bar                                              |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                                                       | -10 °C...60 °C                                                |
| Phân loại hàng hải                                                                   | xem chứng nhận                                                |
| Vị trí lắp đặt                                                                       | bất kỳ                                                        |
| Áp suất vận hành của khoảng nhiệt độ hoàn chỉnh                                      | 0.2 bar...10 bar                                              |
| Lưu lượng bình thường theo hướng bướm ga 0,6->0 MPa (6->0 bar, 87->0 psi)            | 145 l/ph                                                      |
| Lưu lượng bình thường theo hướng không giặt trở lại 0,6->0 MPa (6->0 bar, 87->0 psi) | 150 l/ph...170 l/ph                                           |
| Môi chất vận hành                                                                    | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                                                | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Tuân thủ LABS                                                                        | VDMA24364-B1/B2-L                                             |
| Loại phòng sạch                                                                      | Loại 4 theo ISO 14644-1                                       |
| Nhiệt độ trung bình                                                                  | -10 °C...60 °C                                                |
| Mô-men xoắn thắt chặt danh nghĩa                                                     | 0.8 N m                                                       |
| trọng lượng sản phẩm                                                                 | 14 g                                                          |
| Vật liệu ngông vận vít                                                               | Đồng thau                                                     |
| Ghi chú vật liệu                                                                     | Tuân thủ RoHS                                                 |
| Vật liệu của phốt                                                                    | NBR                                                           |
| Vật liệu vòng nhả                                                                    | POM                                                           |

| Đặc tính                | Giá trị                   |
|-------------------------|---------------------------|
| Vít điều chỉnh vật liệu | thép không gỉ hợp kim cao |
| Vật liệu cổng nối xoay  | Kém đúc áp lực<br>mạ crôm |